HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN I BỘ MÔN THỰC TẬP CƠ SỞ



THỰC TẬP CƠ SỞ

Giảng viên hướng dẫn :Kim Ngọc Bách

Họ và tên :Hoàng Thái Duy

Mã sinh viên :B22DCCN147

Lớp :D22CQCN03-B

Nhóm :13

Báo Cáo Hằng Tuần Lần 4

I, Tiến trình tuần này

- Hoàn thiện các script migration cho tất cả các thực thể:
 USERS,AUTHORS,CATEGORIES,ARTICLES, TAGS, ARTICLE_TAGS,
 COMMENTS, và MEDIA.
- Đảm bảo các mối quan hệ (khóa ngoại) được thiết lập đúng theo sơ đồ ERD:
 - Liên kết giữa articles và authors, media
 - Liên kết nhiều-nhiều giữa articles và tags qua article_tags.
 - Liên kết tự tham chiếu trong categories và comments.

Thêm các ràng buộc null: false cho các cột quan trọng (như username, title, content, v.v.) để đảm bảo tính toàn vẹn dữ liệu.

- Thêm chỉ mục (index) cho các cột khóa ngoại (như author_id, media_id, article_id, v.v.) để tối ưu hóa truy vấn.
- Đã xử lý các lỗi trong quá trình rollback và migrate (như lỗi chỉ mục không tồn tại) bằng cách chỉnh sửa migration với if_exists: true và if_not_exists: true.
- Đã chạy lại tất cả migration và kiểm tra schema để đảm bảo không cò

```
ActiveRecord::Schema[8.0].define(version: 2025_04_04_155119) do
  create_table "article_tags", id: false, force: :cascade do |t|
    t.integer "article_id"
t.integer "tag_id"
    t.index ["article_id", "tag_id"], name: "index_article_tags_on_article_id_and_tag_id", unique: true
t.index ["article_id"], name: "index_article_tags_on_article_id"
t.index ["tag_id"], name: "index_article_tags_on_tag_id"
    t.integer "author_id"
t.string "title", limit: 255, null: false
    t.string "slug", limit: 255, null: false
t.text "content", null: false
    t.integer "media_id"
    t.datetime "published_date", null: false t.string "status", limit: 50, null: false t.text "meta_data"
    t.datetime "created_at", null: false
t.datetime "updated_at", null: false
    t.index ["slug"], name: "index_articles_on_slug", unique: true
  create_table "authors", primary_key: "author_id", force: :cascade do |t|
   t.string "username", limit: 255, null: false
   t.text "bio"
    t.string "profile_picture", limit: 255
t.text "social_link"
  create_table "categories", primary_key: "category_id", force: :cascade do |t|
    t.string "name", limit: 255, null: false
     t.integer "parent_category_id"
     t.index ["parent_category_id"], name: "index_categories_on_parent_category_id"
```

```
create_table "media", primary_key: "media_id", force: :cascade do |t|
t.string "file_name", limit: 255, null: false
t.string "file_type", limit: 556, null: false
t.string "file_type", limit: 556, null: false
t.string "file_type", limit: 556, null: false
t.datetime "uploaded_date", null: false
end

create_table "tags", primary_key: "tag_id", force: :cascade do |t|
t.string "name", limit: 255, null: false
t.string "slug", limit: 255, null: false
t.index ["slug"], name: "index_tags_on_slug", unique: true
end

create_table "users", primary_key: "user_id", force: :cascade do |t|
t.string "username", limit: 255, null: false
t.string "massword_hash", limit: 255, null: false
t.string "password_hash", limit: 255, null: false
t.string "role", limit: 506, null: false
t.datetime "created_at", null: false
t.datetime "created_at", null: false
t.index ["email"], name: "index_users_on_email", unique: true
end

add_foreign_key "article_tags", "articles", primary_key: "article_id"
add_foreign_key "articles", "authors", primary_key: "atticle_id"
add_foreign_key "articles", "media", column: "media_id", primary_key: "media_id"
add_foreign_key "articles", "atticles", primary_key: "atticle_id"
add_foreign_key "comments", "atticles", primary_key: "article_id"
add_foreign_key "comments", "articles", primary_key: "article_id
```

II, Kế hoạch tuần tới

1, Nghiên cứu và phát triển prototype backend:

- Thiết kế các API cơ bản để thực hiện các thao tác CRUD (Create, Read, Update, Delete) cho các thực thể: USERS, ARTICLES, COMMENTS, CATEGORIES, TAGS, v.v.
- Tích hợp sơ đồ ERD vào quá trình lập trình backend, đảm bảo rằng mối quan hệ dữ liệu được duy trì đúng như thiết kế (ví dụ: liên kết giữa articles và authors, media).

2, Kiểm tra và tối ưu hóa cơ sở dữ liệu:

- Thực hiện các truy vấn thử nghiệm (query) để kiểm tra hiệu suất của cơ sở dữ liệu với dữ liệu mẫu.
- Tối ưu hóa các truy vấn bằng cách thêm chỉ mục hoặc điều chỉnh cấu trúc dữ liệu dựa trên kết quả kiểm tra.

3, Tiếp tục Nghiên cứu UI/UX:

• Phác thảo giao diện người dùng dựa trên yêu cầu và sơ đồ dữ liệu (ví dụ: giao diện danh sách bài viết, trang chi tiết bài viết, form đăng bình luân).

 Tham khảo các trang wel và trải nghiệm người dùng 	b tạp chí tâm lý trên thị tru g.	rờng để lấy ý tưởng về thiết kế